TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 273/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận G, ngày 10 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc "Công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 42/2024/HNST ngày 11 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Phạm Tiến D, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Số F Lô V, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ cư trú: Số D đường G, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trương Thị Tú O, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số G L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ cư trú: Số G Đường A M, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh
.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O sau một thời gian tìm hiểu được 6 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn quyển số I/BT do Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2007).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Phạm Tiến D không quan tâm chia sẻ cuộc ống gia đình với nhau. Cả

hai đã cùng nhau thảo luận, trao đổi nhưng không thống nhất được quan điểm, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, ông bà không còn yêu thương nhau. Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2015 đến nay.

Hiện nay, ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O có 01 con chung. Họ tên Phạm Quỳnh A (nữ), sinh ngày 28/07/2007.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, Bà Trương Thị Tú O là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28/7/2007, ông Phạm Tiến D không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O xác định không có.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1.] Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

[1.1.] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn quyển số I/BT do Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2007 không còn giá trị pháp lý).

[1.2.] Về con chung: Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O có 01 con chung. Họ tên Phạm Quỳnh A (nữ), sinh ngày 28/07/2007.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, Bà Trương Thị Tú O là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28/7/2007, ông Phạm Tiến D không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Tiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Phạm Tiến D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trương Thị Tú O có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Phạm Tiến D.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[1.3.] Về tài sản chung: Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4.] Về nợ chung: Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O xác định không có.

[2.] Về lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Tiến D và bà Trương Thị Tú O phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2023/0037886 ngày 11/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông D và bà O đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[3.] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/ q đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (V.Phương).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy